TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 3 - 2018

V/v xin ly hôn có yếu tố nước ngoài

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Lương

Ông Hoàng Hữu Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2016/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2016 về việc xin ly hôn có yếu tố nước ngoài.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Tiểu L, sinh năm: 1986. Địa chỉ: 1059 LQK, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh LE, TAM T, sinh năm: 1974. Địa chỉ: 182 Wisteria Lane Biloxi MS 39530 USA. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2016 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Tiểu L trình bày:

Chị và anh LE, TAM T quen biết nhau là do mai mối, anh chị tự tìm hiểu nhau và sau đó quyết định tiến đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/6/2014, vào sổ đăng ký kết hôn số 183, quyển số 01/2014 ngày 02/07/2014.

Trong quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do thời gian tìm hiểu nhau không lâu, nên khi về chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc.

Bên cạnh đó, sau khi kết hôn, anh LE, TAM T đã trở về Hoa Kỳ sinh sống, vợ chồng chỉ liên lạc với nhau thông qua điện thoại, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lành nhạt. Anh chị đã cố gắng hàn gắn để tiếp tục chung sống xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng không có kết quả.

Nên chị làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết những việc sau:

- Về hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh LE, TAM T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống chị và anh LE, TAM T không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn anh LE, TAM T: Sau khi thụ lý vụ án, ngày 24/5/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Hoa Kỳ để giao Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời lấy lời khai của anh LE, TAM T theo địa chỉ của chị L cung cấp tại 182 Wisteria Lane Biloxi MS 39530 USA về việc chị Dương Tiểu L xin ly hôn với anh LE, TAM T theo quy định của pháp luật, nhưng không có kết quả ủy thác trả về cho Tòa án.

Nên vào ngày 08/5/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã tiến hành ủy thác tư pháp lần 2 đối với anh LE, TAM T. Đến ngày 24/10/2017, Tòa án nhận được Công văn số 3183/BTP-PLQT ngày 24/10/2017 của Vụ pháp luật quốc tế - Bộ Tư pháp thể hiện nội dung đã ủy thác tư pháp thành công cho anh LE, TAM T và các văn bản kèm theo.

Tuy nhiên, trong văn bản cần tống đạt cho bị đơn anh LE, TAM T là Thông báo thụ lý vụ án số 39/TBTL-TA ngày 08/5/2017, Tòa án đã ấn định thời gian mở phiên họp hòa giải vào lúc 14 giờ ngày 08/11/2017; thời gian mở lại phiên họp hòa giải vào lúc 14 giờ ngày 08/12/2017; Thời gian mở phiên tòa giải quyết vụ án vào lúc 08 giờ, ngày 08/02/2018; Thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 14 giờ ngày 08/3/2018. Địa điểm: Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Nhưng phía bị đơn bị đơn anh LE, TAM T không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án và vẫn vắng mặt tại các lần hòa giải, cũng như phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Về thẩm quyền xét xử, do vụ án có đương sự là anh LE, TAM T là người nước ngoài, nên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn anh LE, TAM T, mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ hợp lệ việc ủy thác tư pháp về tống đạt văn bản tố tụng cho anh LE, TAM T, nhưng anh LE, TAM T không có văn bản trình bày ý kiến, cũng như vắng mặt tại các lần hòa giải, và phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh LE, TAM T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị L: Do chị L và anh LE, TAM T mất liên lạc đã lâu, anh chị không có thời gian chung sống và hai bên không còn tình cảm, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L. Về con chung, tài sản chung các bên không yêu cầu, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh LE, TAM T đã được Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của nước Hoa Kỳ thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và hướng dẫn đương sự tự khai theo quy định tại tại Điều 11 và 13 Luật tương trợ tư pháp và Công ước La Hay năm 1965 về tống đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự và thương mại được thông qua ngày 15/11/1965 và có hiệu lực kể từ ngày 10/02/1969. Ngày 03/11/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận được Công văn số 3183/BTP-PLQT ngày 24/10/2017 và các văn kèm của Vụ hợp tác quốc tế - Bộ Tư pháp thể hiện đã thực hiện ủy thác thành công cho anh LE, TAM T theo đề nghị của Tòa án, nhưng anh LE, TAM T không có bản tự khai, cũng như vắng mặt tại các phiên họp hòa giải và tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh LE, TAM T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Tiểu L và anh LE, TAM T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/6/2014, vào sổ đăng ký kết hôn số 183, quyển số 01/2014 ngày 02/07/2014 là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của chị L và anh LE, TAM T, thì anh chị sống xa nhau và không có điều kiện gặp nhau, nên không duy trì được mối quan hệ vợ chồng. Hiện tại anh chị cũng không còn liên lạc với nhau từ năm 2016 và tình cảm không còn, nên anh chị không thể xây dựng được gia đình hạnh phúc.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân của chị L và anh LE, TAM T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, cho chị L được ly hôn với anh LE, TAM T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L và anh LE, TAM T không có con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không có yêu cầu và anh LE, TAM T không có ý kiến, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27, khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Dương Tiểu L phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6] Chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 150.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0012501 ngày 23/5/2016; 150.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lê phí số 0012728 ngày 09/5/2017 của Cơ quan Thi hành dân sự tỉnh Kiên Giang; 95 USD chuyển vào tài khoản của Công ty ABC legal Services và các khoản phí đóng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang.

Căn cứ khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Dương Tiểu L phải nộp và đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 153, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27, khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 16 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Tiểu L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Tiểu L được ly hôn với anh LE, TAM T.

2. Về quan hệ con chung: Chị Dương Tiểu L và anh LE, TAM T không có con chung, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Dương Tiểu L không có yêu cầu và anh LE, TAM T không có ý kiến, nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Dương Tiểu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng, khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị L đã nộp theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí số 0004937 ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Chị L không phải nộp thêm.

5. Chi phí tố tụng khác: Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 150.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0012501 ngày 23/5/2016; 150.000 đồng theo biên lai thu tiền phí, lê phí số 0012728 ngày 09/5/2017 của Cơ quan Thi hành dân sự tỉnh Kiên Giang; 95 USD chuyển vào tài khoản của Công ty ABC legal Services và các khoản phí đóng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang. Chị Dương Tiểu L phải nộp và đã thực hiện xong.

6. Quyền kháng cáo: Chị Dương Tiểu L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (08/3/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao xét xử lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

Riêng anh LE, TAM T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thị Minh Trang